

Hội nhập quốc tế cấp địa phương: Từ lý thuyết và thực tiễn đến khung đánh giá năng lực

Ngày nhận bài: 24/07/2026 | Ngày phản biện: 03/08/2026 | Ngày xuất bản: 10/09/2026

Tác giả: Phan Thu Phương (NCS ngành International Development, International Institute of Social Studies, Erasmus University Rotterdam; Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh); Lê Thuỳ Trang (Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh.)

Tóm tắt: Hội nhập quốc tế cấp địa phương thường bị đánh đồng với các hoạt động đối ngoại biểu tượng hoặc thu hút đầu tư quốc tế đơn thuần. Bài báo nghiên cứu chiều sâu của hội nhập quốc tế cấp địa phương thông qua phân tích đối chéo ba đô thị điển hình: Tokyo (Nhật Bản), Thượng Hải (Trung Quốc) và Rotterdam (Hà Lan). Nghiên cứu làm rõ quá trình các đô thị quốc tế chuyển hóa áp lực và cơ hội toàn cầu thành động lực đổi mới và hội nhập quốc tế thực chất trên ba khía cạnh quản lý đô thị: chính trị - thể chế, kinh tế và văn hóa - dân số - phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một khung phân tích gồm ba cấp độ năng lực tịnh tiến: 1) Năng lực hấp thu, 2) Năng lực thích ứng và thể chế hóa, và 3) Năng lực đồng kiến tạo. Từ đó, nghiên cứu rút ra các hàm ý chính sách quan trọng cho các địa phương Việt Nam, cụ thể là 1) chuyển đổi tư duy đánh giá hội nhập từ hướng "số lượng" sang "chất lượng", 2) tận dụng các cơ chế đặc thù để trở thành không gian thử nghiệm chính sách, và 3) xây dựng hoạt động đối ngoại theo thế mạnh và chức năng của đô thị, hướng tới đồng kiến tạo giá trị.

1. Đặt vấn đề

Trong một thời gian dài, bản đồ hội nhập quốc tế gần như được vẽ hoàn toàn bằng đường biên quốc gia. Các lý thuyết kinh điển từ hội nhập kinh tế đến khoa học chính trị chủ yếu nhìn hội nhập như quá trình tháo bỏ rào cản giữa các nền kinh tế vốn tách biệt hoặc dịch chuyển kỳ vọng về các thiết chế liên quốc gia. Tuy nhiên, một số học giả chỉ ra rằng hội nhập có nhiều khía cạnh - kinh tế, xã hội, chính trị và thể chế - không nhất

thiết phát triển đồng đều (Lindberg, 1970, tr.650). Đối với các nghiên cứu về khu vực châu Âu, các học giả đi sâu vào cách quy tắc bên ngoài tác động trở lại chính sách và thể chế trong nước (Radaelli, 2003, tr.30). Theo đó, chiều sâu của hội nhập quốc tế không đơn thuần là tham gia vào cơ chế hợp tác nào, mà là ở khả năng hấp thụ, điều chỉnh và thể chế hóa các tác động từ bên ngoài.

Sự xuất hiện của toàn cầu hóa và quản trị đa tầng đã đưa hội nhập xuống các không gian cụ thể. Các nghiên cứu về thành phố toàn cầu cho thấy đô thị là điểm tổ chức của nền kinh tế thế giới (Sassen, 2001, tr.11). Lý thuyết quản trị đa tầng khẳng định chính sách không vận hành thuần túy theo chuỗi mệnh lệnh từ trên xuống mà được phân bổ giữa nhiều cấp và mạng lưới (Hooghe & Marks, 2001, tr.15). Địa phương không còn là "điểm cuối" thụ động mà trở thành nơi phát hiện ma sát chính sách, thử nghiệm giải pháp và kết nối công-tư, đặc biệt trong quản trị khí hậu và mạng lưới đô thị (Bulkeley & Castán Broto, 2013, tr.362).

Trong lĩnh vực ngoại giao, các nghiên cứu về ngoại giao song hành và ngoại giao thành phố tập trung giải thích lý do các đô thị thiết lập quan hệ trực tiếp với bên ngoài (Acuto, 2013, tr.45). Song, một thành phố có lịch đối ngoại dày đặc chưa chắc đã là một thành phố hội nhập sâu (Jakobi et al., 2025, tr.160). Đối ngoại là tập hợp công cụ thiết lập quan hệ, còn hội nhập là chất lượng tác động - khi tương tác quốc tế làm thay đổi bền vững thể chế, năng lực và phương thức phát triển của địa phương.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về hội nhập quốc tế cấp địa phương được đặt trên nền tảng quan điểm và đường lối chỉ đạo nhất quán của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị đã đánh dấu bước chuyển chiến lược từ "hội nhập kinh tế quốc tế" sang hội nhập quốc tế "chủ động, tích cực, toàn diện và sâu rộng" trên tất cả các lĩnh vực. Tiếp đà phát triển đó, Nghị quyết số 59-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng hội nhập, lấy việc đổi mới và nâng cao năng lực quản trị quốc gia và địa phương làm trọng tâm.

Các nghiên cứu về hội nhập chủ yếu tập trung ở cấp quốc gia (Nguyễn Tuấn Việt et al., 2021, tr.85), trong khi các nghiên cứu về đối ngoại địa phương phần lớn dừng lại ở mô tả hoạt động, chưa kết nối thành cấu trúc giải thích thống nhất về năng lực hấp thụ và chuyển hóa thể chế (Trần Nam Tiến et al., 2015, tr.45).

Trong bối cảnh nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng..., được Quốc hội trao các cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp thẩm quyền vượt trội phục vụ phát triển, việc xây dựng một khung phân tích năng lực hội nhập cấp địa phương có ý nghĩa cấp thiết, giúp đánh giá khả năng của chính quyền các địa phương trong việc áp dụng các thẩm quyền vượt trội thành năng lực hấp thụ dòng vốn chất lượng cao, thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế và đóng góp bài học thực tiễn ngược trở lại cho việc hoàn thiện thể chế vĩ mô toàn quốc.

Theo đó, bài báo hướng tới giải quyết câu hỏi nghiên cứu cốt lõi: Làm thế nào để đánh giá sơ bộ và nhận diện thực chất chiều sâu hội nhập quốc tế cấp địa phương từ những thay đổi thể chế bên trong? Ý nghĩa khoa học của bài viết là xây dựng khung phân tích lý luận về hội nhập địa phương dựa trên năng lực chuyển hóa, đồng thời cung cấp hàm ý thực tiễn cho quá trình hội nhập của các đô thị Việt Nam trong bối cảnh mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp so sánh, cụ thể là ba đô thị điển hình trên thế giới: Tokyo (Nhật Bản), Thượng Hải (Trung Quốc), Rotterdam (Hà Lan). Thông qua phân tích các văn kiện chính sách, báo cáo của chính quyền địa phương, các tổ chức quốc tế và các nghiên cứu khoa học đã xuất bản, bài báo phân tích dữ liệu theo kỹ thuật đối chiếu mô hình và tổng hợp chéo trường hợp, hướng đến đề xuất khung phân tích hội nhập quốc tế và rút ra các hàm ý chính sách quan trọng cho các địa phương Việt Nam.

Về tiêu chí lựa chọn trường hợp, ba đô thị Tokyo, Thượng Hải và Rotterdam được lựa chọn đại diện cho ba mô hình chức năng đô thị và thể chế khác nhau, theo 3 tiêu chí. Theo đó, ba thành phố trên phản ánh toàn diện các khía cạnh phát triển của một đô thị hiện đại: tài chính - dịch vụ, thương mại - công nghệ, văn hoá - sinh thái.

Thứ nhất, xét về mô hình đô thị, Tokyo, Thượng Hải và Rotterdam đại diện cho ba giai đoạn và loại hình phát triển của một đô thị hiện đại trong mạng lưới toàn cầu. Tokyo đại diện cho mô hình đô thị toàn cầu trưởng thành đóng vai trò trung tâm tài chính - dịch vụ quốc tế; Thượng Hải đại diện cho mô hình đô thị đang trong quá trình chuyển đổi mô hình phát triển thuộc một nền kinh tế đang phát triển nhanh, đóng vai trò trung

tâm thương mại - công nghệ; Rotterdam đại diện cho mô hình đô thị cảng biển - sinh thái, giữ vị thế trung tâm logistics và văn hóa toàn cầu.

Thứ hai, xét về cấu trúc thể chế, cả ba trường hợp thể hiện những phương thức phân cấp và phân quyền khác nhau giữa trung ương và địa phương. Tokyo vận hành theo thể chế phân cấp quản trị đô thị hiện đại, nơi chính quyền thành phố sở hữu độ chủ động rất cao trong việc cải tiến dịch vụ công và tối ưu hóa môi trường đầu tư. Thượng Hải hoạt động theo cơ chế phân cấp có ủy quyền (delegated governance), trong đó địa phương không chỉ thụ động thực thi mà chủ động đề xuất các cơ chế đặc thù, đóng vai trò là "phòng thí nghiệm chính sách" (policy sandbox) cho Chính quyền Trung ương. Rotterdam lại đại diện cho thể chế quản trị đa tầng (multi-level governance), nơi các quyết sách của thành phố được đan cài và kết nối chặt chẽ giữa các cấp chính quyền địa phương, quốc gia và Liên minh châu Âu.

Thứ ba, xét về bản chất cơ chế chuyển hóa hội nhập, ba đô thị thể hiện các chiến lược chuyển hóa động lực bên ngoài thành năng lực nội sinh khác nhau. Tokyo tận dụng áp lực cạnh tranh quốc tế để tái cấu trúc quy trình quản trị nội bộ và cải thiện môi trường đầu tư. Thượng Hải tiên phong thử nghiệm các quy tắc thương mại và đầu tư quốc tế tiêu chuẩn cao tại các phân khu đặc thù trước khi nhân rộng ra quy mô toàn quốc. Rotterdam chuyển hóa các thách thức toàn cầu về biến đổi khí hậu, áp lực dân số và tiêu chuẩn phát triển xanh thành cơ hội nâng cao năng lực hạ tầng, phát triển công nghệ số và đổi mới chính sách xã hội.

Sự đa dạng về mô hình đô thị cùng cơ chế phân cấp thể chế giúp nghiên cứu so sánh, nhận diện các quy luật chuyển hóa thể chế đa chiều, từ đó rút ra bài học tham chiếu cho quá trình hội nhập của các địa phương Việt Nam, đặc biệt là các đô thị trung tâm kinh tế - dịch vụ, cảng biển và đổi mới sáng tạo được tạo điều kiện thí điểm các cơ chế, chính sách mới.

3. Kết quả và thảo luận

Phân tích đối chiếu chéo giữa ba trường hợp của Tokyo, Thượng Hải và Rotterdam cho thấy quá trình hội nhập quốc tế cấp địa phương không diễn ra rời rạc mà mang tính toàn diện trên nhiều khía cạnh của quản lý đô thị, với sự tịnh tiến về năng lực từ hấp thu, thích ứng đến đồng kiến tạo.

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Khía cạnh chính trị - thể chế

Qua phân tích ba trường hợp, nghiên cứu nhận thấy điểm mấu chốt đầu tiên của hội nhập quốc tế nằm ở thẩm quyền và quy trình thủ tục hành chính tại địa phương. Thực tiễn từ Tokyo và Thượng Hải cho thấy sự chuyển đổi căn bản từ tư duy "quản lý - tiền kiểm" sang tư duy "phục vụ - trải nghiệm người dùng". Tại Tokyo, chính quyền đô thị tận dụng cơ chế Đặc khu chiến lược quốc gia để thành lập Trung tâm một cửa thành lập doanh nghiệp Tokyo (TOSBEC) và Dịch vụ hỗ trợ tài chính một cửa (Financial One-Stop Support Service), theo đó 9 nhóm thủ tục hành chính phân tán gồm thuế, lao động, tư pháp, visa,... được tích hợp về một đầu mối, giúp rút ngắn đáng kể thời gian thành lập doanh nghiệp (Keenan & Wójcik, 2022, tr.155). Tương tự, Thượng Hải tiên phong áp dụng cơ chế "danh mục tiêu cực" (negative list) tại Khu thí điểm tự do thương mại Thượng Hải (SPFTZ), cắt giảm danh mục hạn chế đầu tư từ 190 lĩnh vực xuống còn dưới 27 lĩnh vực, đưa hơn 95% dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) về cơ chế đăng ký tự động thay vì phê duyệt trước (Shanghai Municipal Government, 2024, tr.0).

Ở một cấp độ cao hơn, cả ba đô thị đều không dừng lại ở việc thụ động thực thi hay thích ứng theo quy định sẵn có, mà còn vận hành như những "không gian thử nghiệm chính sách" (sandbox) để Chính quyền Trung ương tham khảo, xây dựng, hoàn thiện thể chế vĩ mô. Cụ thể, những kinh nghiệm của Chính quyền Tokyo trong quá trình xây dựng sáng kiến FinCity Tokyo trở thành cơ quan xúc tiến tài chính của thành phố đã đóng góp vào quá trình ban hành Tầm nhìn Thành phố tài chính toàn cầu và thành lập Đặc khu kinh doanh quản lý tài sản cấp quốc gia của Chính phủ Nhật Bản (Tokyo Metropolitan Government, 2017, tr.0). Ngoài ra, nhằm chuẩn bị cho sự bùng nổ của nền kinh tế Web3 và tài sản số, Cơ quan Dịch vụ Tài chính Nhật Bản đã phối hợp cùng chính quyền Tokyo mở rộng cơ chế thử nghiệm pháp lý cho cả các startup quốc tế trong lĩnh vực tài chính phi tập trung (DeFi) (FinNews Asia, 2025, tr.0). Thượng Hải cũng đã thử nghiệm thành công các quy tắc thương mại "sau biên giới" tại phân khu Lâm Cảng trước khi được Chính phủ Trung Quốc nhân rộng mô hình ra toàn quốc (Xinhua, 2025, tr.0). Trong khi đó, Rotterdam chủ động vận động Quốc hội Hà Lan

ban hành "Đạo luật Rotterdam" nhằm tạo cơ chế đặc thù cho phép địa phương lồng ghép chính sách quản trị dân số siêu đa dạng và hợp tác liên đô thị ở cấp Liên minh châu Âu (EU) (Custers & Willems, 2024, tr.5).

3.1.2. Khía cạnh kinh tế

Trong khi các hoạt động đối ngoại bề nổi dừng lại ở việc thu hút dòng vốn FDI thô, Tokyo, Thượng Hải và Rotterdam đều tập trung nâng cao năng lực nội sinh. Cụ thể, thông qua cơ quan FinCity.Tokyo, chính quyền Tokyo không chỉ thu hút dòng vốn mà còn xây dựng môi trường cho các doanh nghiệp quốc tế coi Tokyo là "ngôi nhà thứ hai", hỗ trợ các công ty khởi nghiệp tiên phong như Nền tảng thị trường vốn số ADDX và Công ty công nghệ tài chính y tế Lydia.ai kết nối trực tiếp và thiết lập đối tác chiến lược với các định chế tài chính lớn như Ngân hàng Phát triển Nhật Bản (DBJ) và Tập đoàn Đầu tư Nhật Bản (JIC) (FinNews Asia, 2025, tr.0). Nhờ đó, Tokyo dần khẳng định vị thế bộ phận, kết nối dòng vốn quy mô lớn của Nhật Bản với thị trường Fintech đang phát triển bùng nổ tại khu vực châu Á và toàn cầu.

Tương tự, Thượng Hải chủ động ra mắt sàn giao dịch chứng khoán STAR Market vào năm 2019 dựa trên cơ chế niêm yết đăng ký và đến nay đã thu hút hơn 600 doanh nghiệp công nghệ lõi với tổng vốn hóa vượt 170 tỷ đô la Mỹ (Shanghai Stock Exchange, 2026, tr.0). Đồng thời, Thượng Hải thiết lập hệ thống "Giá Thượng Hải" bằng Nhân dân tệ đối với vàng, dầu thô và cước vận tải, đặt quy mô giao dịch nằm trong nhóm 3 sàn giao dịch hàng hóa kỳ hạn lớn nhất thế giới, qua đó chuyển từ vị thế tuân thủ "luật chơi" sang định hình chuẩn mực định giá quốc tế. Tại Rotterdam, chính quyền đã biến tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) thành ưu đãi tài chính, khuyến khích các hãng tàu toàn cầu phải điều chỉnh công nghệ phát thải nếu muốn tiếp cận thị trường châu Âu (Port of Rotterdam, 2026, tr.0).

3.1.3. Khía cạnh văn hoá, dân số, phát triển bền vững

Ở khía cạnh hạ tầng số và phát triển bền vững, Rotterdam đại diện cho mô hình chuyển hóa áp lực môi trường thành năng lực thích ứng và phát triển bền vững tiên phong. Trước nguy cơ ngập lụt từ biến đổi khí hậu và các tiêu chuẩn phát thải khắt khe của Liên minh châu Âu (EU), thành phố triển khai Chiến lược Thích ứng Rotterdam (RAS), chuyển đổi căn bản tư duy từ "chống chọi" sang "chủ động thích ứng", ưu tiên

quy hoạch và xây dựng các công trình đa dụng như Quảng trường nước Bentheplein có khả năng lưu giữ 1.700 m³ nước mưa hay Đê công viên Dakpark dài 1,2 km (C40 Cities, 2015, tr.0). Đồng thời, Rotterdam phát triển mô hình Bản sao số (Digital Twin) trên nền cảm biến kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) với chuẩn dữ liệu mở, góp phần tối ưu hóa điều phối giao thông - hạ tầng và hướng tới mục tiêu giảm phát thải CO₂ (European Commission, 2019, tr.0). Ở cấp độ cao hơn, Rotterdam không chỉ giải quyết vấn đề nội tại mà còn "xuất khẩu" các giải pháp kỹ trị và tri thức quản trị khí hậu ra thế giới. Thông qua việc đóng vai trò nòng cốt trong Mạng lưới các Thành phố Lãnh đạo về Khí hậu C40 (C40 Cities), Mạng lưới các Đô thị Chống chịu (Resilient Cities Network) và thu hút Trung tâm Thích ứng Toàn cầu (GCA) đặt trụ sở chính, Rotterdam đã chuyển hóa thành công kinh nghiệm ứng phó cấp địa phương thành các chuẩn mực và mô hình tham chiếu quốc tế về đô thị sinh thái (C40 Cities, 2015, tr.0).

Ở khía cạnh văn hóa và dân số, thực tiễn từ Rotterdam và Tokyo chứng minh chiều sâu hội nhập còn thể hiện ở năng lực thể chế hóa các chính sách quản trị xã hội đa văn hóa và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhằm xử lý áp lực từ cơ cấu dân số "siêu đa dạng" với hơn 53% cư dân có gốc nhập cư, Rotterdam áp dụng chính sách lồng ghép (mainstreaming), đưa trách nhiệm hội nhập cộng đồng thành nghĩa vụ chung của bộ máy chính quyền, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, đồng thời thu hút sự tham gia trực tiếp của cộng đồng vào quy hoạch đô thị (Entzinger & Engbersen, 2014, tr.22). Tại Tokyo, bên cạnh việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, Chính quyền Đô thị Tokyo triển khai Dự án Attraction U, qua đó cấp trợ cấp trực tiếp lên tới 30 triệu Yên, tương đương 200.000 USD, cùng các hỗ trợ tư vấn pháp lý, phát triển hạ tầng trường và bệnh viện để tháo gỡ rào cản văn hóa - ngôn ngữ, giúp các chuyên gia và gia đình nhanh chóng hòa nhập môi trường sống tại đô thị (FinNews Asia, 2025, tr.0).

3.1.4. Đề xuất giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu và khung phân ba cấp độ năng lực, bài báo rút ra các hàm ý chính sách cho quá trình hội nhập của các địa phương Việt Nam như sau:

Thứ nhất, các địa phương cần thay đổi căn bản cách tiếp cận đo lường hội nhập từ hướng số lượng (đoàn ra, đoàn vào, bản ghi nhớ hợp tác) sang hướng chất lượng

(năng lực hấp thu, thích ứng, thể chế hoá và đồng kiến tạo). Việc đánh giá phải dựa trên các chỉ số như khả năng cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, mức độ hấp thụ và lan tỏa công nghệ - tri thức quốc tế vào hệ sinh thái nội địa, cùng sự cải thiện chất lượng sống và năng lực chống chịu đô thị,...

Thứ hai, các địa phương được cấp cơ chế đặc thù hay phân cấp thẩm quyền vượt trội không nên chỉ xem đây là danh mục ưu đãi tài chính, mà cần chủ động vận hành như các "không gian thử nghiệm chính sách" có kiểm soát. Qua đó, thực tiễn địa phương sẽ cung cấp các bằng chứng thực nghiệm quan trọng giúp Trung ương hoàn thiện, điều chỉnh thể chế vĩ mô và nhân rộng mô hình ra toàn quốc.

Thứ ba, các địa phương cần thiết kế các hoạt động hợp tác quốc tế "ngược" từ chính nhu cầu nâng cấp năng lực bên trong. Việc triển khai chiến lược đối ngoại và thu hút dòng chảy xuyên biên giới phải bám sát chức năng kinh tế - xã hội cốt lõi của địa phương (như trung tâm tài chính, logistics - cảng biển, công nghiệp chế tạo, đổi mới sáng tạo hay đô thị sinh thái), đồng thời phải lồng ghép với không gian liên kết vùng để tạo hậu phương kinh tế cho các chức năng quốc tế.

3.2. Thảo luận

Từ kết quả phân tích chéo các thành phố Tokyo, Thượng Hải, Rotterdam trên ba khía cạnh chính trị - thể chế, kinh tế và văn hoá, dân số, phát triển bền vững, nghiên cứu nhận diện bốn đặc điểm tương đồng cốt lõi trong quá trình hội nhập quốc tế:

Đầu tiên, cả ba đô thị đều biến áp lực toàn cầu thành động lực để đổi mới, đặc biệt không ứng phó bề nổi mà dùng rào cản quốc tế làm "cú hích" chính trị để thúc đẩy thay đổi về tư duy và cách thức vận hành bên trong bộ máy. Thứ hai, cả ba thành phố đều tập trung tái cấu trúc quy trình quản trị theo lấy "trải nghiệm người dùng", cụ thể là các doanh nghiệp, chuyên gia, cư dân, làm trung tâm. Thứ ba, cả ba đô thị đều được quản trị theo cấu trúc quản trị đa tầng, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa địa phương và trung ương. Địa phương đóng vai trò là không gian thử nghiệm chính sách, cung cấp bằng chứng thực tiễn để trung ương hoàn thiện thể chế vĩ mô. Thứ tư, hội nhập thực chất không kết thúc bằng việc tiếp thu đơn thuần mà bằng cách tạo ra năng lực nội sinh mới, tiến tới đồng kiến tạo tri thức và thay đổi luật chơi toàn cầu.

Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất định nghĩa hội nhập quốc tế cấp địa phương như sau: Hội nhập quốc tế cấp địa phương là quá trình trong đó chính quyền và hệ sinh thái các chủ thể trên địa bàn chủ động hấp thụ, thích ứng và thể chế hóa các chuẩn mực, nguồn lực và dòng dịch chuyển xuyên biên giới, qua đó tạo ra những thay đổi tương đối bền vững về thể chế quản trị, năng lực phát triển và vị thế của địa phương trong mạng lưới toàn cầu.

Theo đó, để đo lường thực chất chiều sâu của hội nhập, bài báo đề xuất xây dựng khung phân tích ba cấp độ năng lực tinh tiến:

Trong đó, năng lực hấp thụ - absorptive capacity - là khả năng của địa phương trong việc chủ động thu hút, tiếp nhận và dung nạp các dòng chảy quốc tế về vốn, công nghệ, nhân lực chất lượng cao và tri thức quản trị. Năng lực thích ứng và thể chế hoá - adaptive & institutionalizing capacity - là khả năng điều chỉnh cấu trúc bộ máy, quy trình hành chính, quy hoạch không gian và khuôn khổ pháp lý địa phương nhằm nội địa hóa các áp lực và tiêu chuẩn quốc tế. Năng lực đồng kiến tạo - co-creation capacity - là mức độ hội nhập cao nhất, khi địa phương không chỉ thụ động tuân thủ hay thích ứng với luật chơi có sẵn, mà tiến tới tham gia sản xuất tri thức chính sách, định hình chuẩn mực và xuất khẩu giải pháp ra mạng lưới toàn cầu.

4. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định chiều sâu của hội nhập quốc tế cấp địa phương không nằm ở số lượng sự kiện đối ngoại, số bản ghi nhớ hợp tác đã ký kết hay số lượng đoàn ra/đoàn vào trong năm, mà nên được đánh giá bằng mức độ địa phương hấp thụ, thích ứng và thể chế hoá động lực từ bên ngoài và đồng kiến tạo giá trị. Đóng góp lý luận cốt lõi của bài báo là đề xuất một khái niệm hoàn chỉnh về hội nhập quốc tế cấp địa phương dựa trên khung phân tích ba cấp độ năng lực tinh tiến: 1) Năng lực hấp thụ, 2) Năng lực thích ứng và thể chế hóa, và 3) Năng lực đồng kiến tạo. Khung phân tích này cung cấp một công cụ lý luận mới giúp nhận diện và đo lường thực chất mức độ hội nhập của các đô thị, vượt qua tư duy đánh giá mang tính bề nổi.

Mặc dù đã đề xuất khung phân tích năng lực hội nhập quốc tế, nghiên cứu này vẫn dừng lại ở tiếp cận định tính từ ba trường hợp quốc tế. Các nghiên cứu tiếp theo có thể phát triển bộ chỉ số định lượng cụ thể nhằm đo lường cấp độ năng lực hội nhập của

từng địa phương, đồng thời tiến hành kiểm chứng thực nghiệm trên các mô hình đô thị khác nhau tại Việt Nam./.

* Đây là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2026 “Hội nhập quốc tế của Thành phố Hồ Chí Minh: một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn”. Mã nhiệm vụ BNG/NV/2026-28.

Tài liệu tham khảo

Acuto, M. (2013). *Global cities, governance and diplomacy: The urban link*. Routledge.

Bulkeley, H., & Castán Broto, V. (2013). Government by experiment? Global cities and the governing of climate change. *Transactions of the Institute of British Geographers*, 38(3), 361–375.

C40 Cities. (2015, October). Cities100: Rotterdam - Resilience and quality of life go hand in hand. <https://www.c40.org/case-studies/cities100-rotterdam-resilience-and-quality-of-life-go-hand-in-hand/>

Custers, G., & Willems, J. J. (2024). Rotterdam in the 21st century: From ‘sick man’ to ‘capital of cool.’ *Cities*, 150, Article 105009. <https://doi.org/10.1016/j.cities.2024.105009>

Entzinger, H., & Engbersen, G. (2014). *Rotterdam: A long-time port of call and home to immigrants*. Erasmus University Rotterdam, pp. 15–40.

European Commissions. (2019, January 16). Rotterdam’s Digital Twin redefines our physical, digital, & social worlds. Smart Cities Marketplace. <https://smart-cities-marketplace.ec.europa.eu/news-and-events/news/2019/rotterdams-digital-twin-redefines-our-physical-digital-social-worlds>

FinNews Asia. (2025). Tokyo Builds Momentum in Fintech Expansion. Finews.Asia. <https://www.finews.asia/finance/44269-tokyo-builds-momentum-in-fintech-expansion>

Hooghe, L., & Marks, G. (2001). *Multi-level governance and European integration*. Rowman & Littlefield.

Jakobi, A. P., Loges, B., & Haenschen, R. (2025). What do international city networks contribute to global governance? Towards a better conceptual and empirical assessment. *Global Society*, 39(2), 158–180. <https://doi.org/10.1080/13600826.2024.2356815>

Keenan, L., & Wójcik, D. (2022). Tokyo’s booms and busts: Placing Japan in the global financial network. *Finance and Society*, 8(2), 149–170. <https://doi.org/10.2218/finsoc.7765>

Keohane, R. O., & Nye, J. S., Jr. (1977). *Power and interdependence: World politics in transition*. Little, Brown.

Lindberg, L. N. (1970). Political integration as a multidimensional phenomenon requiring multivariate measurement. *International Organization*, 24(4), 648–731.

Nguyễn Tuấn Việt, Đỗ Thị Thủy, & Nguyễn Hoàng Như Thanh. (2021). Bản sắc quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam: Một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn. Nhà xuất bản Thế giới, tr. 50–210.

Port of Rotterdam. (2026). Environmental ship index discount. <https://www.portofrotterdam.com/en/sea-shipping/seaport-dues/environmental-ship-index-discount>

Radaelli, C. M. (2003). The Europeanization of public policy. In K. Featherstone & C. M. Radaelli (Eds.), *The politics of Europeanization* (pp. 27–56). Oxford University Press.

Sassen, S. (2001). *The global city: New York, London, Tokyo* (2nd ed.). Princeton University Press.

Shanghai Municipal Government. (2024). Implementation plan of Shanghai Municipality for several measures on aligning with international high standards. <https://english.shanghai.gov.cn/>

Shanghai Stock Exchange. (2026). STAR Market-Listed Firms Have Raised USD177 Billion in Seven Years Since Sci-Tech Board Opened. https://english.sse.com.cn/news/newsrelease/voice/c/c_20260724_10826660.shtml

Tokyo Metropolitan Government. (2017). Global financial city: Tokyo vision: Toward the Tokyo financial Big Bang. <https://www.english.metro.tokyo.lg.jp/>

Trần Nam Tiến, Nguyễn Thu Trang, & Tô Mỹ Ngọc. (2015). Hoạt động đối ngoại Thành phố Hồ Chí Minh (1975–2015). Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 20–140.

Xinhua. (2025, April 7). China to replicate Shanghai pilot FTZ measures nationwide in pursuit of high-level opening-up. <https://english.www.gov.cn/>